ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM **TRUNG TÂM TIN HỌC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /QĐ-TTTH	*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh đủ điều kiện
cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản
Khóa thi ngày 09/01/2022

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TIN HỌC

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về Chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐT ngày 09/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHSP ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản;

Căn cứ kết quả kỳ thi cấp Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 09 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-ĐHSP ngày 24/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc phê duyệt kết quả thi Kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản - Khóa thi ngày 09/01/2022;

Theo đề nghị của Hội đồng thi kỳ thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 09/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản của **449** (bốn trăm bốn mươi chín) thí sinh, khóa thi ngày 09/01/2022 tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- BGH (để báo cáo);
- Lưu VT, TTTH.

GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM TIN HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TS. Đặng Hùng Vĩ

ỌC ĐÀ NẴNG
UNG TÂM
TIN HỌC
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐHĐN
TRUNG TÂM TIN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

KHÓA THI NGÀY 09/01/2022 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-TTTH ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Tin học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
1	2102121	Trần Thị	Ái	23-02-2000	Quảng Nam	8.33	9.50	Đạt	01
2	2101399	Nguyễn Hoàng Bảo	An	19-06-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	5.00	Đạt	01
3	2101803	Hứa Thị Mỹ	An	01-03-2000	Quảng Nam	6.67	8.00	Đạt	01
4	2101396	Bùi Thị Hồng	Ân	03-01-2000	TP. Đà Nẵng	6.33	8.50	Đạt	01
5	2101659	Võ Thị Lan	Anh	27-10-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	8.50	Đạt	01
6	2101742	Nguyễn Thị Phương	Anh	07-07-2000	Quảng Nam	8.00	8.50	Đạt	01
7	2101890	Trần Thị Ngọc	Anh	17-08-2000	Quảng Trị	7.33	7.50	Đạt	01
8	2102144	Nguyễn Đình Tam	Anh	05-01-1999	TP. Đà Nẵng	7.00	6.00	Đạt	01
9	2102150	Phan Thị Hồng	Anh	02-02-1999	TP. Đà Nẵng	7.67	5.00	Đạt	01
10	2101565	Hoàng Ngọc	Anh	07-07-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	9.00	Đạt	01
11	2102189	Trần Thị Minh	Anh	06-01-1998	TP. Đà Nẵng	7.00	8.00	Đạt	01
12	2102187	Đỗ Trịnh Quốc	Anh	31-12-1999	TP. Đà Nẵng	7.33	8.00	Đạt	01
13	2101751	Lê Thị Vân	Anh	14-09-1999	Hà Tĩnh	6.67	8.00	Đạt	01
14	2101750	Huỳnh Thị Nguyệt	Ánh	09-06-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	8.50	Đạt	01
15	2101743	Mã Thị Hồng	Ánh	07-06-2000	Quảng Nam	5.00	7.50	Đạt	01
16	2102360	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15-06-2000	Nghệ An	7.33	8.50	Đạt	01
17	2101555	Phan Nguyễn Ngọc	Ánh	22-06-2000	Quảng Nam	7.33	6.50	Đạt	01
18	2101698	Trần Đình Gia	Bảo	01-09-1997	Quảng Nam	7.67	6.00	Đạt	02
19	2102411	Bùi Thị	Bé	10-06-2000	TP. Đà Nẵng	6.33	6.00	Đạt	02
20	2101760	Bnước Thị	Bem	05-09-2000	Quảng Nam	7.67	5.00	Đạt	02
21	2101757	Trần Thị	Bình	25-01-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	7.00	Đạt	02
22	2101752	Đặng Thị Yên	Bình	20-04-1999	TP. Đà Nẵng	7.67	7.00	Đạt	02
23	2101432	Võ Hoàn	Châu	04-07-2000	Quảng Nam	8.00	9.00	Đạt	02
24	2101708	Hồ Thị Lương	Châu	19-10-1999	Nghệ An	6.33	5.00	Đạt	02
25	2101489	Đoàn Thị Kim	Chi	10-06-2001	TP. Đà Nẵng	6.67	7.50	Đạt	02
26	2102002	Nguyễn Thị Khánh	Chi	05-07-1999	TP. Đà Nẵng	6.67	6.00	Đạt	02
27	2101428	Ngô Thị Kim	Chi	28-12-1999	Bình Định	5.33	5.00	Đạt	02
28	2101919	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	01-02-2000	Quảng Nam	8.00	5.50	Đạt	02
29	2102044	Phạm Quế	Chi	10-01-1999	Đắk Lắk	7.67	5.00	Đạt	02
30	2101636	Trịnh Lê Huyền	Chinh	11-01-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	7.00	Đạt	02
31	2102133	Lê Văn	Công	23-05-2000	Quảng Ngãi	8.33	7.00	Đạt	02
32	2101582	Hồ Thị	Cuối	09-07-2000	Quảng Nam	5.67	5.00	Đạt	02
33	2101529	Li	Đan	02-09-2000	Gia Lai	7.00	6.00	Đạt	02
34	2102218	Bùi Công	Danh	29-05-1999	TP. Đà Nẵng	6.00	6.00	Đạt	02
35	2101551	Đoàn Thị Bích	Đào	04-10-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	6.00	Đạt	02

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
36	2101526	Arất	Đảo	08-06-1999	Quảng Nam	7.00	5.00	Đạt	03
37	2102155	Phan Thượng	Đạt	11-11-1999	Quảng Ngãi	7.67	8.00	Đạt	03
38	2102151	Trương Duy	Đạt	15-10-2001	TP. Đà Nẵng	6.00	10	Đạt	03
39	2102408	Đỗ Hữu	Đạt	03-05-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	10	Đạt	03
40	2102316	Trương Công	Đạt	07-08-2000	TP. Đà Nẵng	9.33	10	Đạt	03
41	2102470	Ngô Thành	Đạt	16-01-2000	Quảng Ngãi	6.33	9.50	Đạt	03
42	2101654	Trần Thị	Diễm	19-08-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	7.00	Đạt	03
43	2102037	Nguyễn Thị	Diễm	14-11-2000	Quảng Ngãi	7.33	8.00	Đạt	03
44	2101392	Nguyễn Thị	Diệu	14-02-2000	Quảng Ngãi	8.33	8.00	Đạt	03
45	2101397	Trần Thị Xuân	Diệu	04-08-2000	Quảng Nam	8.67	8.50	Đạt	03
46	2101490	Phan Lê Ngọc	Diệu	15-09-2001	Đắk Lắk	8.00	8.50	Đạt	03
47	2101553	A Lăng	Dil	01-04-2000	Quảng Nam	6.00	6.50	Đạt	03
48	2102304	Trần Thị Minh	Đoan	02-12-1999	TP. Đà Nẵng	6.00	6.50	Đạt	03
49	2102372	Hồ Sỹ	Dởn	16-11-2000	Nghệ An	7.67	8.00	Đạt	03
50	2101995	Nguyễn Thị Kim	Dư	06-10-2000	Quảng Ngãi	7.00	5.50	Đạt	03
51	2101415	Trần Mạnh	Đức	19-12-1997	Đồng Nai	7.67	7.00	Đạt	03
52	2102238	Nguyễn Hồng	Đức	30-11-1999	Quảng Nam	8.67	10	Đạt	03
53	2101641	Lê Trung	Đức	08-03-1998	TP. Đà Nẵng	8.33	8.50	Đạt	04
54	2102171	Nguyễn Văn	Dũng	25-10-1999	Quảng Nam	8.33	7.50	Đạt	04
55	2101885	Bùi Thị Thùy	Dương	12-10-1999	Quảng Nam	7.67	6.50	Đạt	04
56	2101580	Phan Thùy	Dương	19-12-2000	TP. Đà Nẵng	5.67	7.50	Đạt	04
57	2101531	Nguyễn Thị	Đương	27-07-2000	Quảng Nam	7.67	8.00	Đạt	04
58	2101403	Phạm Thị Kiều	Duyên	28-11-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	9.00	Đạt	04
59	2101790	Nguyễn Phan Thảo	Duyên	26-08-1998	Quảng Trị	6.67	6.00	Đạt	04
60	2102019	Đoàn Thị	Duyên	01-10-2000	Quảng Nam	5.67	7.00	Đạt	04
61	2101808	Đồng Thị Mỹ	Duyên	10-03-1999	Quảng Nam	8.67	9.00	Đạt	04
62	2101826	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	06-01-1999	Quảng Ngãi	6.00	8.50	Đạt	04
63	2102265	Nguyễn Khánh	Duyên	29-03-2001	Quảng Nam	6.00	6.50	Đạt	04
64	2101404	Trần Thị Minh	Duyên	10-01-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	10	Đạt	04
65	2102086	Nguyễn Thị Thuỳ	Giang	01-09-1999	TP. Đà Nẵng	5.33	9.00	Đạt	04
66	2101387	Nguyễn Thị Lệ	Giang	20-11-1996	Quảng Nam	7.00	10	Đạt	04
67	2101497	Alăng Thị Hà	Giang	11-07-1999	Quảng Nam	6.00	8.50	Đạt	04
68	2101900	Đoàn Thị Hà	Giang	11-05-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	10	Đạt	04
69	2102335	Lê Thị Minh	Giang	13-03-2000	Quảng Nam	7.67	10	Đạt	04
70	2102263	Nguyễn Hoài	Giang	01-01-2000	Quảng Nam	7.00	8.00	Đạt	04
71	2102240	Phạm Trường	Giang	02-09-2000	Hà Tĩnh	7.00	8.50	Đạt	04
72	2102004	Bùi Thị Quỳnh	Giao	01-01-2000	Quảng Trị	5.67	6.00	Đạt	05
73	2101569	Hồ Thị	Giao	20-03-2000	Quảng Nam	7.00	6.00	Đạt	05
74	2101568	Võ Thị Ngọc	Hà	21-08-2000	Đắk Lắk	8.33	9.50	Đạt	05
75	2101705	Trần Thị Thái	Hà	11-12-1999	TP. Đà Nẵng	8.33	8.00	Đạt	05
76	2102094	Lê Thị	Hà	05-09-2000	Thanh Hóa	9.00	7.50	Đạt	05
77	2102313	Ngô Thu	Hà	13-01-1999	Đắk Lắk	6.00	6.50	Đạt	05
78	2101576	Dương Quang Việt	Hà	04-06-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	10	Đạt	05

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
79	2101968	Lê Thiên	Hà	25-08-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	7.00	Đạt	05
80	2101804	Nguyễn Thị	Hạ	15-04-1998	Quảng Ngãi	5.67	5.00	Đạt	05
81	2101996	Phan Nguyễn Xuân	Hạ	06-06-2001	TP. Đà Nẵng	8.33	10	Đạt	05
82	2102114	Trương Phước	Hải	01-12-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	10	Đạt	05
83	2102327	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	17-10-2001	TP. Đà Nẵng	9.00	8.50	Đạt	05
84	2102020	Lê Thị Thu	Hằng	30-07-2000	Quảng Nam	7.33	8.00	Đạt	05
85	2102075	Nguyễn Thị	Hằng	03-11-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	5.00	Đạt	05
86	2101653	Nguyễn Thị	Hằng	25-06-2000	Quảng Ngãi	8.00	5.50	Đạt	05
87	2101931	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	14-10-2000	Quảng Nam	7.67	8.50	Đạt	05
88	2101444	Lê Thị	Hằng	11-10-2000	Quảng Nam	7.67	6.50	Đạt	05
89	2101458	Đồng Lê Diệu	Hằng	20-11-2000	TP. Đà Nẵng	5.33	5.50	Đạt	06
90	2101634	Nguyễn Thị Thu	Hằng	05-05-1999	Kon Tum	7.67	5.50	Đạt	06
91	2102438	Nguyễn Thị	Hằng	07-07-2000	Quảng Nam	7.67	5.50	Đạt	06
92	2102461	Trần Thanh	Hằng	21-09-2002	TP. Đà Nẵng	7.67	7.00	Đạt	06
93	2101481	Phạm Hồng	Hạnh	11-11-2000	TP. Đà Nẵng	6.33	5.00	Đạt	06
94	2101475	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	18-09-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	8.00	Đạt	06
95	2102025	Lê Nguyễn Diệu	Hiền	24-01-2000	Hà Tĩnh	9.00	9.00	Đạt	06
96	2101462	Đoàn Thị Thu	Hiền	13-04-2000	Quảng Nam	9.00	10	Đạt	06
97	2101761	Trần Công	Hiện	20-03-1999	Quảng Ngãi	7.00	8.00	Đạt	06
98	2101570	Trương Thị Minh	Hiếu	30-09-2000	Lâm Đồng	7.00	10	Đạt	06
99	2101588	Huỳnh	Hiếu	10-11-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	10	Đạt	06
100	2102359	Lê Minh	Hiếu	14-03-1998	TP. Đà Nẵng	8.00	6.00	Đạt	06
101	2102283	Võ Thị	Hiếu	25-04-2000	Quảng Ngãi	6.67	8.50	Đạt	06
102	2101593	Trần Thị Thúy	Hiếu	27-11-2000	TP. Đà Nẵng	6.33	9.00	Đạt	06
103	2102459	Võ Trung	Hiếu	25-01-2002	Vũng Tàu	6.33	8.50	Đạt	06
104	2102164	Hồ Minh	Hiếu	16-06-2000	Đồng Nai	7.67	8.50	Đạt	06
105	2102122	Trần Thị Ngọc	Hoa	12-10-2001	Lâm Đồng	9.00	10	Đạt	06
106	2102340	Trần Thị	Hoa	15-02-1999	Quảng Bình	6.67	8.00	Đạt	07
107	2101561	Lê Thị Anh	Hoa	01-10-2000	Quảng Nam	7.67	7.00	Đạt	07
108	2101758	Nguyễn Thị	Hoa	20-10-1999	Nghệ An	7.00	8.50	Đạt	07
109	2101979	Trần Thị Khánh	Hòa	30-08-2000	TP. Đà Nẵng	9.33	9.50	Đạt	07
110	2101807	Trương Thị	Hòa	26-04-2000	Quảng Nam	6.67	9.00	Đạt	07
111	2101431	Bùi Xuân	Hòa	27-03-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	9.00	Đạt	07
112	2101897	Hoàng Thị	Hoài	27-02-2000	Gia Lai	7.00	6.50	Đạt	07
113	2102248	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hoài	01-01-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	8.00	Đạt	07
114	2101552	Nguyễn Thị Minh	Hoàng	05-12-2001	TP. Đà Nẵng	7.67	8.00	Đạt	07
115	2101902	Đặng Thị	Hồng	08-09-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	5.00	Đạt	07
116	2102333	Nguyễn Bách	Hợp	01-12-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	5.50	Đạt	07
117	2101839	Phan Nguyễn Nhật	Huệ	22-04-1999	TP. Đà Nẵng	7.33	9.50	Đạt	07
118	2101783	Nguyễn Thị Thu	Huệ	17-08-1999	Quảng Nam	5.67	6.00	Đạt	07
119	2102016	Nguyễn Thanh	Hùng	03-06-1999	TP. Đà Nẵng	8.67	8.50	Đạt	07
120	2101571	Hà Thị Vũ	Hương	28-04-2000	Quảng Nam	8.00	9.00	Đạt	07
121	2101867	Phan Thị Thanh	Hương	03-07-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	9.00	Đạt	07

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
122	2101505	Huỳnh Thị	Hương	05-11-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	9.00	Đạt	07
123	2101424	Đồng Mạnh	Huy	21-11-2000	Đắk Lắk	7.00	7.00	Đạt	07
124	2101522	Nguyễn Văn	Huy	16-05-1999	Quảng Nam	6.00	5.00	Đạt	07
125	2101755	Trần Xuân	Huy	25-11-1999	TP. Đà Nẵng	8.67	8.00	Đạt	08
126	2102203	Nguyễn Đăng	Huy	18-01-2001	Quảng Nam	8.33	9.00	Đạt	08
127	2101482	Huỳnh Kim	Huy	14-02-1999	Đắk Lắk	7.33	9.50	Đạt	08
128	2102095	Lê Trần Bảo	Huy	24-08-2001	TP. Đà Nẵng	8.33	5.00	Đạt	08
129	2101991	Phạm Thị	Huyền	25-10-2000	Quảng Nam	6.00	7.50	Đạt	08
130	2102289	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	21-06-1998	TP. Đà Nẵng	8.67	9.00	Đạt	08
131	2101434	Huỳnh Lê Thúy	Huyền	28-03-1999	Phú Yên	7.00	7.00	Đạt	08
132	2101622	Ngô Thị Minh	Huyền	12-09-2000	Hà Tĩnh	8.67	8.00	Đạt	08
133	2101933	Trần Thị Bảo	Huyền	03-09-1999	Đắk Lắk	7.33	10	Đạt	08
134	2101880	Nguyễn Thuỵ Hoa	Huyền	14-06-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	10	Đạt	08
135	2102364	Võ Thị Ngọc	Huyền	28-02-1999	Quảng Ngãi	6.67	8.50	Đạt	08
136	2101607	Nguyễn Lê Phương	Khánh	22-09-2000	Quảng Trị	9.33	9.50	Đạt	08
137	2101967	Phạm Vân	Khánh	14-07-2000	TP. Đà Nẵng	9.33	10	Đạt	08
138	2102181	Trương Mai Ngọc	Khánh	21-09-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	6.50	Đạt	08
139	2102256	Đoàn Lê Nguyên	Khánh	08-11-2001	TP. Đà Nẵng	7.33	6.00	Đạt	08
140	2101579	Ngô Tấn	Khoa	03-05-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	9.00	Đạt	08
141	2102413	Phạm Thị Hồng	Khuyên	11-12-2000	Hà Tĩnh	8.33	10	Đạt	08
142	2101626	Nguyễn Thị	Kiều	29-12-2000	Thái Bình	9.00	10	Đạt	08
143	2101618	Phan Thị Diệu	Kỳ	04-11-2000	Quảng Nam	7.00	6.00	Đạt	08
144	2101712	Lê Thị Kim	Lài	03-01-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	8.00	Đạt	09
145	2101815	Đặng Thị Hải	Lan	15-06-1999	Quảng Bình	7.33	9.50	Đạt	09
146	2102355	Lê Thị Ngọc	Lan	02-08-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	9.50	Đạt	09
147	2102499	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	29-09-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	9.50	Đạt	09
148	2101924	Phạm Thị Nhật	Lệ	16-05-2000	Quảng Nam	7.33	8.00	Đạt	09
149	2102024	Trịnh Ngọc	Liên	24-03-2000	Quảng Nam	8.33	8.00	Đạt	09
150	2101525	Y	Linh	26-05-2000	Quảng Nam	5.33	7.00	Đạt	09
151	2101604	Phan Thị Thuỳ	Linh	05-07-2000	Quảng Nam	8.67	9.00	Đạt	09
152	2101393	Nguyễn Châu Hoài	Linh	27-07-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	8.00	Đạt	09
153	2101774	Trần	Linh	08-01-2000	Quảng Nam	7.33	10	Đạt	09
154	2101825	Lê Thị Thùy	Linh	10-12-1999	Thanh Hoá	7.33	10	Đạt	09
155	2101929	Lê Thị Thùy	Linh	09-12-2001	Hà Tĩnh	8.67	9.50	Đạt	09
156	2102179	Trần Thị Mỹ	Linh	02-08-2000	TP. Đà Nẵng	6.33	8.50	Đạt	09
157	2101621	Nguyễn Lê Trường	Linh	28-08-2000	Quảng Nam	7.00	10	Đạt	09
158	2101736	Đỗ Thị Kiều	Linh	29-08-2000	Quảng Nam	6.00	9.00	Đạt	09
159	2102329	Nay H'	Linh	07-11-1999	Gia Lai	6.33	7.50	Đạt	09
160	2102334	Phạm Thùy	Linh	20-02-2000	Bình Định	8.33	9.50	Đạt	09
161	2102362	Phan Thị Nhật	Linh	10-04-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	7.00	Đạt	09
162	2101402	Nguyễn Mỹ	Linh	18-01-2000	TP. Đà Nẵng	5.67	8.00	Đạt	09
163	2101440	Ngô Nhật	Linh	17-04-1999	Quảng Ngãi	7.33	5.00	Đạt	10
164	2101589	Vũ Thị Diệu	Linh	06-12-2000	Quảng Nam	6.00	6.00	Đạt	10

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
165	2102497	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	09-03-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	7.00	Đạt	10
166	2101450	Chu Đình	Lợi	30-09-1999	Nghệ An	6.67	8.50	Đạt	10
167	2101724	Trần Viết	Lợi	15-11-2000	Quang Nam	7.33	7.50	Đạt	10
168	2102042	Trương Hoàng	Lụa	23-07-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	8.00	Đạt	10
169	2102011	Văn Đình	Luân	19-10-1999	Phú Yên	7.00	5.50	Đạt	10
170	2102478	Phạm Chí	Luân	10-04-1997	Quảng Nam	9.33	7.00	Đạt	10
171	2101584	Hồ Thị	Lương	08-08-2000	Quảng Nam	8.00	9.00	Đạt	10
172	2102223	Nguyễn Ngọc	Lương	12-10-2000	Thanh Hóa	7.00	6.00	Đạt	10
173	2101969	Đặng Thanh	Luy	24-01-2001	Quảng Nam	7.33	9.00	Đạt	10
174	2101418	Huỳnh Thị Kim	Lý	22-08-1999	Quảng Ngãi	6.33	8.00	Đạt	10
175	2102156	Nguyễn Thị	Lý	28-08-2000	TP. Đà Nẵng	5.67	5.50	Đạt	10
176	2102477	Nguyễn Thị Hồng	Lý	22-09-2002	Quảng Nam	5.00	8.00	Đạt	10
177	2102651	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	17-10-1981	TP. Đà Nẵng	6.00	7.50	Đạt	10
178	2101648	Ông Ngô Thanh	Mai	19-02-2000	TP. Đà Nẵng	9.67	10	Đạt	10
179	2102414	Trần Thị Phước	May	15-10-2000	Quảng Nam	7.67	9.50	Đạt	10
180	2102202	Phùng Thị Hoàng	Mi	26-03-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	9.00	Đạt	10
181	2101398	Nguyễn Phú Thanh	Minh	22-09-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	6.50	Đạt	11
182	2101951	Lâm Thị	Minh	31-12-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	8.50	Đạt	11
183	2102060	Nguyễn Hữu Nhật	Minh	17-10-1999	TP. Đà Nẵng	9.67	8.50	Đạt	11
184	2102207	Phạm Lê Ngọc	Minh	16-06-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	8.00	Đạt	11
185	2102145	Nguyễn Vân Hải	Minh	10-09-2000	TP. Đà Nẵng	6.33	5.00	Đạt	11
186	2101650	Nguyễn Thị Thu	Mơ	19-06-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	6.00	Đạt	11
187	2101426	Nguyễn Văn	Mừng	09-09-1998	Bình Định	8.67	8.00	Đạt	11
188	2101917	Lê Thị Tuyết	My	04-08-1998	TP. Đà Nẵng	6.33	5.00	Đạt	11
189	2102323	Nguyễn Thị Hoàng	Mỹ	01-11-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	6.50	Đạt	11
190	2101957	Lê Thị	Mỹ	10-10-1999	Đắk Lắk	7.33	8.50	Đạt	11
191	2101802	Trần Thị Khánh	Na	18-10-2000	Quảng Nam	8.00	8.50	Đạt	11
192	2101523	Đinh Thị Ly	Na	12-12-1999	Quảng Ngãi	6.00	9.00	Đạt	11
193	2102008	Lê Trường	Nam	21-09-2001	Khánh Hòa	8.67	8.50	Đạt	11
194	2101697	Lê Nguyễn Thanh	Nga	29-06-2000	Quảng Nam	6.67	8.50	Đạt	11
195	2102233	Nguyễn Thị	Nga	25-09-1999	TP. Đà Nẵng	7.00	6.50	Đạt	11
196	2101893	Lê Thúy	Ngân	18-08-1999	Gia Lai	8.00	7.00	Đạt	11
197	2101728	Võ Kim	Ngân	25-09-1999	Quảng Ngãi	6.00	5.00	Đạt	12
198	2102245	Phan Thị Ngọc	Ngân	02-06-2000	Bình Định	7.33	8.50	Đạt	12
199	2101474	Trần Kim	Ngân	13-09-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	9.00	Đạt	12
200	2102249	Đinh Thị	Huyên	22-10-1998	Quảng Nam	8.33	8.50	Đạt	12
201	2101572	Y	Nghĩa	19-12-2000	Quảng Nam	5.67	5.00	Đạt	12
202	2101421	Nguyễn Đăng	Nghĩa	27-04-1998	Quảng Nam	6.67	9.00	Đạt	12
203	2102010	Nguyễn Đức	Nghĩa	12-11-1999	Đắk Lắk	7.00	8.50	Đạt	12
204	2101619	Phan Thị Bảo	Ngọc	20-05-2000	Quảng Nam	8.67	8.50	Đạt	12
205	2101669	Phùng Lê Nguyên	Ngọc	09-12-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	9.50	Đạt	12
206	2101800	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	14-06-1999	Bình Định	5.67	7.50	Đạt	12
207	2101713	Lâm Hải	Ngọc	27-10-1999	Phú Yên	6.33	5.00	Đạt	12

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
208	2102427	Nguyễn Như	Ngọc	08-07-2001	TP. Đà Nẵng	6.67	5.50	Đạt	12
209	2101430	Phạm Thị Thảo	Nguyên	18-02-2000	Đắk Lắk	8.00	8.00	Đạt	12
210	2101504	Võ Thị Hồng	Nguyên	13-05-2000	Quảng Ngãi	6.33	8.50	Đạt	12
211	2101809	Võ Thị	Nguyên	24-08-1998	Quảng Trị	6.67	8.50	Đạt	12
212	2101873	Đặng Thảo	Nguyên	20-08-2000	Quảng Nam	7.67	9.00	Đạt	12
213	2102379	Dương Thị Thu	Nguyên	22-09-1999	TP. Đà Nẵng	6.00	5.00	Đạt	13
214	2101513	Đặng Thị Ánh	Nguyệt	06-12-2001	Quảng Nam	6.67	9.00	Đạt	13
215	2102437	Trần Thị	Nguyệt	07-08-1999	TP. Đà Nẵng	6.00	5.50	Đạt	13
216	2101766	Nguyễn Nhân Thanh	Nhã	16-05-1999	Quảng Ngãi	5.00	5.50	Đạt	13
217	2102247	Nguyễn Thùy Trang	Nhã	11-04-1999	Thừa Thiên - Huế	8.67	9.50	Đạt	13
218	2101756	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	19-05-1999	Quảng Trị	6.33	7.00	Đạt	13
219	2101592	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	01-03-2001	TP. Đà Nẵng	8.00	9.00	Đạt	13
220	2101457	Đỗ Thế	Nhân	07-08-1999	TP. Đà Nẵng	8.00	6.00	Đạt	13
221	2102251	Đặng Phan Hạnh	Nhân	26-09-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	8.50	Đạt	13
222	2102378	Nguyễn	Nhân	02-02-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	6.50	Đạt	13
223	2102230	Trần Hồ Thiên	Nhật	02-01-1999	TP. Đà Nẵng	7.00	7.50	Đạt	13
224	2102199	Lê Đức	Nhật	25-07-1999	Quảng Trị	5.33	8.00	Đạt	13
225	2101590	Đoàn Thị Thu	Nhi	28-04-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	9.00	Đạt	13
226	2101493	Nguyễn Trần Yến	Nhi	17-07-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	9.50	Đạt	13
227	2101583	Phan Võ Hoàng	Nhi	31-12-2000	Quảng Nam	8.67	9.50	Đạt	13
228	2101655	Phạm Lâm Thảo	Nhi	11-06-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	9.50	Đạt	13
229	2102034	Đào Uyển	Nhi	13-12-2000	Gia Lai	7.67	9.50	Đạt	13
230	2102208	Trần Thị Bích	Nhi	16-03-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	7.00	Đạt	13
231	2102243	Vũ Thị Thảo	Nhi	28-06-2001	Hải Dương	8.67	9.50	Đạt	13
232	2101461	Bùi Thị Yến	Nhi	22-05-2000	Quảng Ngãi	8.67	5.50	Đạt	14
233	2101662	Hoàng Thị Tuyết	Nhi	06-06-1999	Quảng Trị	6.33	5.50	Đạt	14
234	2102410	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	29-05-1999	Quảng Trị	5.00	5.00	Đạt	14
235	2101678	Huỳnh Thị Yến	Nhi	29-06-1999	TP. Đà Nẵng	7.00	7.50	Đạt	14
236	2101915	Võ Tuyết	Nhi	01-06-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	5.00	Đạt	14
237	2102174	Nguyễn Lan	Nhi	23-09-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	5.50	Đạt	14
238	2102356	Phan Nguyễn Khánh	Nhi	02-09-2000	Quảng Nam	7.33	5.00	Đạt	14
239	2102436	Trần Thị Hồng	Nhi	10-11-2000	Quảng Nam	6.67	5.00	Đạt	14
240	2101710	Dương Hà Quỳnh	Như	26-08-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	8.00	Đạt	14
241	2101460	Rô H'	Như	03-04-2000	Gia Lai	6.33	8.50	Đạt	14
242	2102108	Phạm Nguyễn An	Như	17-08-1999	Nghệ An	7.00	6.50	Đạt	14
243	2101414	Trần Thị Hồng	Nhung	16-10-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	9.00	Đạt	14
244	2101495	Phan Thị Hồng	Nhung	05-10-1999	Gia Lai	7.33	9.50	Đạt	14
245	2101694	Hoàng Kim	Nhung	13-07-1999	Kon Tum	7.33	9.50	Đạt	14
246	2101563	Lê Thảo	Ni	11-02-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	9.50	Đạt	14
247	2101667	Nguyễn Thị Thảo	Ni	28-06-2000	Quảng Trị	8.33	9.50	Đạt	14
248	2101587	H' Tô	Niê	09-01-2000	Đắk Lắk	7.67	9.00	Đạt	14
249	2101394	Đỗ Thị Bích	Niên	21-01-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	9.50	Đạt	15
250	2102328	Lê Thị Hải	Ninh	20-10-2000	Quảng Trị	8.33	9.50	Đạt	15

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
251	2101597	Đỗ Thị Hồng	Nở	10-11-1999	Quảng Ngãi	7.67	8.00	Đạt	15
252	2102073	Đặng Thị Tố	Nữ	09-10-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	8.50	Đạt	15
253	2102374	Trần Lâm	Oanh	03-06-1999	Quảng Trị	5.67	7.00	Đạt	15
254	2101437	Nguyễn Thị Kim	Oanh	13-04-1999	TP. Đà Nẵng	6.67	9.00	Đạt	15
255	2102200	Trần Hoàng	Oanh	18-06-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	7.50	Đạt	15
256	2102120	Trần Đức	Pháp	17-04-2000	Hà Tĩnh	6.33	8.50	Đạt	15
257	2102028	Hoàng Văn	Phong	20-04-1999	Thừa Thiên -Huế	7.33	5.00	Đạt	15
258	2102234	Nguyễn Thị	Phúc	03-02-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	9.50	Đạt	15
259	2102258	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	19-08-2001	TP. Đà Nẵng	6.00	5.00	Đạt	15
260	2101630	Tôn Long	Phúc	22-05-2000	Quảng Ngãi	5.33	5.00	Đạt	15
261	2101401	Huỳnh Văn	Phước	16-06-2000	Quảng Nam	6.33	9.00	Đạt	15
262	2101422	Ngô Thị Sanh	Phương	02-11-1999	Bình Định	8.33	9.00	Đạt	15
263	2101536	Phan Kiều	Phương	20-04-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	8.50	Đạt	15
264	2101693	Đinh Thu	Phương	11-04-2000	Thái Nguyên	6.67	5.00	Đạt	15
265	2101813	Phạm Huỳnh Như	Phương	29-04-2000	Quảng Nam	8.00	5.00	Đạt	15
266	2101834	Bùi Xuân	Phương	05-07-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	6.00	Đạt	15
267	2101883	Hồ Thị	Phương	05-07-1999	Quảng Nam	6.67	7.00	Đạt	15
268	2102043	Nguyễn Thị Hoàng	Phương	04-08-1998	TP. Đà Nẵng	7.33	9.50	Đạt	15
269	2102373	Đoàn Thị	Phương	30-04-1999	Quảng Nam	7.33	7.00	Đạt	16
270	2101395	Nguyễn Lê	Phương	13-04-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	6.50	Đạt	16
271	2101411	Trần Đan	Phương	29-09-2000	TP. Hồ Chí Minh	7.00	10	Đạt	16
272	2101723	Trần Xuân	Phương	16-06-1999	Nghệ An	6.33	8.00	Đạt	16
273	2101952	Võ Ngọc Minh	Phương	21-09-1999	TP. Đà Nẵng	5.33	7.00	Đạt	16
274	2101920	Nguyễn Hồ Kim	Phượng	14-06-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	9.00	Đạt	16
275	2101548	Binla Vanh	Pidsana	14-09-1998	Lào	7.00	7.00	Đạt	16
276	2101901	Lê Đức Anh	Quân	30-01-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	9.00	Đạt	16
277	2101805	Mai Đăng	Quang	26-09-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	10	Đạt	16
278	2101909	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	04-01-2000	Quảng Nam	7.33	8.00	Đạt	16
279	2102480	Trần Ngọc	Quyên	06-08-2002	TP. Đà Nẵng	6.67	5.00	Đạt	16
280	2101788	Trương Quang	Quyền	16-07-1999	Bình Định	9.00	7.00	Đạt	16
281	2102494	Thái Tôn	Quyền	27-12-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	5.50	Đạt	16
282	2101731	Trần Thị Như	Quỳnh	02-09-1999	Gia Lai	6.33	8.50	Đạt	16
283	2102311	Nguyễn Phương	Quỳnh	06-07-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	10	Đạt	16
284	2101410	Ngô Nguyễn Trúc	Quỳnh	23-08-2000	TP. Đà Nẵng	9.67	10	Đạt	16
285	2102452	Võ Xuân	Quỳnh	10-11-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	7.50	Đạt	16
286	2102092	Trương Thị Thu	Sang	09-11-1999	Quảng Nam	8.33	10	Đạt	17
287	2102390	Đặng Thị Thu	Sang	25-05-1999	TP. Đà Nẵng	8.00	5.00	Đạt	17
288	2101498	Trần Tiến	Sĩ	22-01-2000	Gia Lai	8.00	5.00	Đạt	17
289	2102059	Huỳnh Văn	Sơn	30-04-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	7.00	Đạt	17
290	2102210	Huỳnh Ngọc	Sơn	01-01-1999	Quảng Nam	7.33	5.00	Đạt	17
291	2101528	Trương Văn	Tài	21-01-2000	Quảng Nam	8.67	5.00	Đạt	17
292	2101420	Đặng Thế	Tài	28-03-1997	Bình Định	5.67	7.50	Đạt	17
293	2102386	Hà Anh	Tài	03-07-2000	Quảng Nam	8.00	5.00	Đạt	17

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
294	2101608	Nguyễn Hòa Khánh	Tâm	03-11-2000	Quảng Nam	8.33	9.50	Đạt	17
295	2101609	Nguyễn Đoàn Minh	Tâm	02-05-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	9.00	Đạt	17
296	2101791	Nguyễn Thanh	Tâm	27-12-2001	Khánh Hòa	6.67	9.50	Đạt	17
297	2101998	Trần Xuân Minh	Tâm	07-12-2001	Quảng Nam	7.67	9.00	Đạt	17
298	2101407	Nguyễn Thiên	Tân	30-09-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	9.50	Đạt	17
299	2102348	Hồ Ngọc	Thạch	06-03-1999	TP. Đà Nẵng	7.00	8.00	Đạt	17
300	2101726	Lê Thị	Thắm	18-01-1999	Quảng Ngãi	7.00	9.00	Đạt	17
301	2101954	Nguyễn Thị Thanh	Thân	19-11-1994	TP. Đà Nẵng	7.00	8.00	Đạt	17
302	2101686	Nguyễn Đôn Việt	Thắng	11-12-2001	TP. Đà Nẵng	9.67	10	Đạt	18
303	2101699	Phạm Đình	Thắng	01-08-1998	TP. Đà Nẵng	8.00	7.50	Đạt	18
304	2101389	Lê Hồng	Thắng	01-05-1997	Quảng Nam	7.67	7.50	Đạt	18
305	2101488	Trần Thị Dương	Thanh	10-10-2001	TP. Đà Nẵng	7.33	10	Đạt	18
306	2101661	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	22-12-2000	Quảng Nam	9.33	10	Đạt	18
307	2102421	Huỳnh Tấn	Thành	01-01-2001	TP. Đà Nẵng	8.67	9.00	Đạt	18
308	2101540	Nguyễn Văn Thuận	Thành	22-05-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	9.00	Đạt	18
309	2101663	Lê Thị Mai	Thảo	02-05-2000	Quảng Nam	8.33	9.00	Đạt	18
310	2101741	Trần Phương	Thảo	16-07-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	10	Đạt	18
311	2101843	Trần Thanh	Thảo	23-09-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	9.50	Đạt	18
312	2101623	Nguyễn Thị Thu	Thảo	28-08-2000	Quảng Nam	8.00	7.50	Đạt	18
313	2102172	Hoàng Thị Phương	Thảo	10-03-1999	Thừa Thiên -Huế	8.33	9.00	Đạt	18
314	2102272	Phan Thị Bích	Thảo	19-05-2000	Đắk Lắk	7.67	7.50	Đạt	18
315	2102339	Huỳnh Thị Như	Thảo	09-04-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	9.50	Đạt	18
316	2102476	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	21-04-2000	Quảng Nam	8.67	9.50	Đạt	18
317	2101970	Trần Mai	Thi	16-12-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	9.00	Đạt	18
318	2102341	Đoàn Thị Kiều	Thi	26-03-2001	Quảng Nam	7.67	10	Đạt	18
319	2101982	Lê Thánh	Thiện	15-05-1999	TP. Đà Nẵng	7.33	9.50	Đạt	18
320	2102418	Nguyễn Thành	Thiện	06-06-1999	Đắk Lắk	7.67	6.00	Đạt	18
321	2101599	Trần Thị Kim	Thoa	17-05-2000	Quảng Ngãi	5.67	5.00	Đạt	19
322	2101515	Huỳnh Văn	Thông	16-04-1999	TP. Đà Nẵng	6.33	5.00	Đạt	19
323	2101700	Phan Thị Bảo	Thu	13-10-2001	TP. Đà Nẵng	8.67	10	Đạt	19
324	2101477	Nguyễn Trần Uyên	Thư	28-09-1999	TP. Đà Nẵng	6.33	8.00	Đạt	19
325	2102286	Trần Thị Anh	Thư	03-02-2001	TP. Đà Nẵng	8.00	9.00	Đạt	19
326	2102460	Nguyễn Thị Minh	Thư	17-02-1996	TP. Đà Nẵng	6.67	9.00	Đạt	19
327	2101985	Thân Đức	Thuấn	18-05-2000	Quảng Nam	8.33	8.00	Đạt	19
328	2101574	Phạm Đình	Thuận	14-10-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	10	Đạt	19
329	2101730	Nguyễn Kim	Thuận	04-06-1999	TP. Đà Nẵng	5.67	7.50	Đạt	19
330	2101625	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	27-12-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	9.50	Đạt	19
331	2101691	Trần Thị Hoài	Thương	14-01-2000	TP. Đà Nẵng	6.33	6.50	Đạt	19
332	2101558	Tôn Nữ Xuân	Thương	26-11-2000	TP. Đà Nẵng	5.67	8.00	Đạt	19
333	2101647	Lê Thị Hoài	Thương	12-10-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	9.50	Đạt	19
334	2102079	Nguyễn Thị	Thương	14-04-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	6.00	Đạt	19
335	2102338	Bùi Thị Thanh	Thương	03-11-2000	Quảng Nam	6.67	9.00	Đạt	19
336	2101910	Đỗ Thị Hiền	Thương	13-07-2000	TP. Đà Nẵng	5.67	8.00	Đạt	19

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
337	2102237	Lý Nguyễn Ngọc	Thuỳ	28-11-1999	Quảng Ngãi	6.33	5.00	Đạt	19
338	2102115	Tăng Thị Diễm	Thúy	17-11-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	9.00	Đạt	20
339	2101685	Huỳnh Thị	Thúy	20-01-2000	Quảng Nam	7.67	10	Đạt	20
340	2101519	Nguyễn Quỳnh	Thy	28-10-2000	Quảng Nam	7.00	10	Đạt	20
341	2101926	La Anh	Thy	30-11-2000	Quảng Nam	8.33	10	Đạt	20
342	2101442	Trương Quốc	Tín	16-03-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	10	Đạt	20
343	2102110	Lê Minh	Tín	22-01-2001	Quảng Nam	9.33	9.00	Đạt	20
344	2101943	Lê Công	Tín	13-10-2000	Quảng Nam	8.00	9.00	Đạt	20
345	2102496	Đặng Tấn	Tín	04-02-1999	Quảng Nam	8.00	8.50	Đạt	20
346	2101417	Nguyễn Thị	Tình	25-07-1999	Quảng Ngãi	7.00	9.50	Đạt	20
347	2102152	Trần Thị	Tình	24-02-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	5.00	Đạt	20
348	2102454	Kiều Đức	Toàn	18-03-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	9.00	Đạt	20
349	2101937	Vorlasin	Toulakhom	25-10-1999	Lào	5.67	6.00	Đạt	20
350	2101703	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	13-03-1999	Đắk Lắk	8.00	9.00	Đạt	20
351	2101740	Phạm Thị Thùy	Trâm	10-11-2000	Quảng Nam	8.00	10	Đạt	20
352	2102015	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	22-12-1998	TP. Đà Nẵng	8.33	10	Đạt	20
353	2101914	Huỳnh Thị Ngọc	Trân	21-08-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	9.50	Đạt	20
354	2102257	Nguyễn Thị Huyền	Trân	10-01-2000	TP. Đà Nẵng	6.33	9.00	Đạt	20
355	2101898	Nguyễn Thị Bích	Trân	03-02-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	5.00	Đạt	20
356	2102434	Ngô Vũ Bảo	Trân	01-01-1998	Thừa Thiên - Huế	8.33	9.50	Đạt	21
357	2101720	Lê Thị Thanh	Trang	16-03-1998	Đắk Lắk	8.67	9.00	Đạt	21
358	2101594	Võ Thuỳ	Trang	26-06-2000	Nam Định	8.67	9.00	Đạt	21
359	2101633	Võ Huỳnh Ngọc	Trang	15-03-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	9.00	Đạt	21
360	2101848	Huỳnh Thị Thu	Trang	25-06-2000	Quảng Nam	7.33	9.50	Đạt	21
361	2102072	Trần Nguyễn Thùy	Trang	26-05-2000	TP. Đà Nẵng	9.33	9.50	Đạt	21
362	2102118	Nguyễn Thị Huyền	Trang	29-08-2001	Gia Lai	6.33	7.50	Đạt	21
363	2102368	Bùi Minh	Trang	03-04-2000	Quảng Trị	7.33	8.00	Đạt	21
364	2101443	Bùi Thùy	Trang	05-03-2001	TP. Đà Nẵng	7.33	7.50	Đạt	21
365	2102402	Nguyễn Thị Kiều	Trang	29-07-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	8.00	Đạt	21
366	2101441	Lê Anh Thùy	Trang	04-06-2000	Quảng Ngãi	6.67	8.00	Đạt	21
367	2102082	Nguyễn Phương	Trang	07-03-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	6.00	Đạt	21
368	2102307	Nguyễn Thị Thanh	Trang	08-10-2001	Quảng Nam	5.67	5.00	Đạt	21
369	2101987	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	16-11-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	8.50	Đạt	21
370	2101456	Mai Thị Xuân	Trang	14-02-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	7.50	Đạt	21
371	2102054	Đỗ Quang	Trí	26-05-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	9.00	Đạt	21
372	2101916	Nguyễn Thị Thu	Trinh	20-08-2000	TP. Đà Nẵng	9.33	9.00	Đạt	21
373	2101934	Lê Thị	Trinh	23-03-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	8.50	Đạt	21
374	2101989	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	27-06-2001	TP. Đà Nẵng	6.67	7.50	Đạt	21
375	2102196	Nguyễn Thị Lan	Trinh	15-07-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	8.00	Đạt	22
376	2102084	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	17-08-2000	Quảng Nam	8.00	9.00	Đạt	22
377	2102211	Đặng Thị Tố	Trinh	19-03-2000	Lâm Đồng	6.00	8.00	Đạt	22
378	2101884	Trần Thị Bích	Trinh	19-06-2000	TP. Đà Nẵng	5.67	5.50	Đạt	22
379	2101664	Đặng Công	Trình	02-05-1999	TP. Đà Nẵng	7.33	7.00	Đạt	22

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
380	2101778	Hồ Quốc	Trung	08-10-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	9.00	Đạt	22
381	2101905	Trần Nguyễn Thạch	Truyền	13-05-2001	Quảng Nam	7.33	9.00	Đạt	22
382	2101467	Hồ Thị Cẩm	Tú	01-09-2000	TP. Hồ Chí Minh	9.00	8.00	Đạt	22
383	2102053	Lê Thanh	Tú	28-11-2000	TP. Đà Nẵng	9.00	9.00	Đạt	22
384	2102183	Bùi Cẩm	Tú	10-04-1999	Quảng Ngãi	6.33	6.50	Đạt	22
385	2102035	Nguyễn Lương Cẩm	Tú	16-11-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	8.50	Đạt	22
386	2101668	Nguyễn Vũ Anh	Tú	21-07-2000	Quảng Ngãi	8.33	8.00	Đạt	22
387	2102428	Tô Thị	Tú	16-03-2000	Quảng Nam	8.00	6.50	Đạt	22
388	2101850	Trần Văn	Tú	18-02-2000	Quảng Nam	9.33	9.00	Đạt	22
389	2102395	Lê Văn	Tuân	08-02-1991	Quảng Bình	8.00	7.00	Đạt	22
390	2101566	Dương Ngọc	Tuấn	02-11-1999	Quảng Ngãi	5.67	8.50	Đạt	22
391	2101670	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	07-06-1997	Quảng Ngãi	8.33	8.00	Đạt	22
392	2101975	Phạm Anh	Tuấn	13-05-1996	Quảng Ngãi	8.67	9.00	Đạt	23
393	2102302	Lê Anh	Tuấn	05-05-1999	TP. Đà Nẵng	7.00	9.00	Đạt	23
394	2101992	Nguyễn Thị Cát	Tường	02-01-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	9.50	Đạt	23
395	2102180	Nguyễn Thị	Tuyên	10-04-1994	Quảng Nam	7.33	6.00	Đạt	23
396	2101390	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	26-01-2000	Quảng Nam	6.67	9.00	Đạt	23
397	2101601	Hoàng Thanh	Tuyền	04-02-2000	Quảng Trị	7.00	9.00	Đạt	23
398	2101899	Lê Thanh	Tuyền	09-08-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	6.50	Đạt	23
399	2101984	Lê Thị Ánh	Tuyết	14-11-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	8.50	Đạt	23
400	2102128	Lê Thị	Tuyết	20-10-2000	Thừa Thiên - Huế	7.33	9.00	Đạt	23
401	2102090	Nguyễn Thị Kim	Uy	05-06-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	7.00	Đạt	23
402	2101459	Hoàng Thị Hồng	Uyên	22-07-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	9.00	Đạt	23
403	2101767	Bùi Thị Thúy	Uyên	25-12-1999	Quảng Nam	7.00	9.00	Đạt	23
404	2101831	Hồ Thị Thu	Uyên	11-12-2000	Quảng Nam	7.33	5.00	Đạt	23
405	2102096	Nguyễn Lê Nhã	Uyên	25-03-2000	Quảng Nam	6.33	6.50	Đạt	23
406	2101447	Trà Thị Thuý	Uyên	05-11-2000	Phú Yên	5.67	5.50	Đạt	23
407	2101629	Tạ Ngọc Bảo	Uyên	27-06-2000	Quảng Nam	8.00	9.00	Đạt	23
408	2101851	Trần Ngọc Lâm	Uyên	15-01-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	9.50	Đạt	23
409	2101894	Phan Thu	Uyên	18-08-2000	Quảng Ngãi	7.33	8.00	Đạt	23
410	2102191	Trương Nguyễn Phương	Uyên	08-06-2000	Quảng Nam	6.33	9.50	Đạt	24
411	2101445	Tăng Nữ Thảo	Vân	14-08-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	6.00	Đạt	24
412	2101738	Bùi Đặng Hà	Vân	09-05-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	8.00	Đạt	24
413	2101400	Phạm Thị Trúc	Vân	06-07-2000	TP. Đà Nẵng	7.00	6.50	Đạt	24
414	2101856	Nguyễn Thị Bích	Vân	18-05-2002	TP. Đà Nẵng	6.00	9.00	Đạt	24
415	2102125	Bùi Trần Khánh	Vân	24-02-2000	Quảng Ngãi	7.00	8.50	Đạt	24
416	2101638	Nguyễn Thị Khánh	Vân	09-03-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	9.00	Đạt	24
417	2102259	Nguyễn Thị Hồng	Vân	10-01-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	9.50	Đạt	24
418	2102412	Trần Nguyễn Thanh	Vân	22-05-2000	TP. Đà Nẵng	6.67	8.00	Đạt	24
419	2101795	Thái Thành	Văn	21-09-2000	Quảng Nam	8.67	9.50	Đạt	24
420	2101983	Lê Na	Vi	20-04-1999	TP. Đà Nẵng	8.00	8.50	Đạt	24
421	2102029	Nguyễn Tường	Vi	15-02-2000	Quảng Nam	7.67	8.50	Đạt	24
422	2101819	Nguyễn Thị Lan	Vi	01-04-2000	TP. Đà Nẵng	7.67	8.50	Đạt	24

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	Kết quả	Phòng thi
423	2102439	Phạm Thị Thúy	Vi	24-09-1999	Quảng Nam	5.67	7.50	Đạt	24
424	2101446	Nguyễn Thị	Vĩ	26-01-2000	Quảng Ngãi	7.67	9.00	Đạt	24
425	2101784	Trần Chí	Vĩ	21-10-2001	Quảng Nam	7.00	6.00	Đạt	24
426	2101439	Nguyễn Văn Quốc	Việt	09-05-1997	TP. Đà Nẵng	6.67	7.50	Đạt	24
427	2102295	Nguyễn Trần Quốc	Việt	11-08-2001	TP. Đà Nẵng	7.33	9.00	Đạt	24
428	2101882	Võ Đăng	Vinh	26-05-2001	Quảng Nam	9.67	8.50	Đạt	24
429	2101673	Nguyễn Xuân	Vũ	27-09-2000	Quảng Nam	8.33	9.00	Đạt	24
430	2101759	Lê Đức Anh	Vũ	09-10-2000	TP. Đà Nẵng	9.33	8.50	Đạt	25
431	2101775	Phan Nhật Thảo	Vy	27-04-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	9.00	Đạt	25
432	2102231	Nguyễn Yến	Vy	16-12-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	10	Đạt	25
433	2102277	Phạm Tường	Vy	21-07-2000	TP. Đà Nẵng	8.67	10	Đạt	25
434	2102337	Phạm Thị Tường	Vy	24-04-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	5.00	Đạt	25
435	2102074	Nguyễn Thúy	Vy	20-03-2000	TP. Đà Nẵng	8.00	9.00	Đạt	25
436	2102068	Lê Hoàng	Vy	18-05-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	8.50	Đạt	25
437	2102264	Nguyễn Thị Thuý	Vy	11-04-2000	TP. Đà Nẵng	5.67	5.50	Đạt	25
438	2102482	Lê Cao Tường	Vy	14-02-2000	TP. Đà Nẵng	8.33	9.00	Đạt	25
439	2101777	Trần Văn	Vỹ	22-05-2001	Quảng Nam	10	9.50	Đạt	25
440	2101508	Y	Xuân	10-11-2000	Quảng Nam	6.33	8.50	Đạt	25
441	2102107	Lê Thái Kim	Xuân	24-05-2000	Bình Định	8.33	8.00	Đạt	25
442	2102241	Trần Thị Thu	Xuân	09-08-1999	TP. Đà Nẵng	7.33	9.50	Đạt	25
443	2101878	Nguyễn Thị Như	Ý	17-11-1999	Quảng Nam	7.33	9.00	Đạt	25
444	2101534	Nguyễn Thị Thu	Ý	10-07-1999	Quảng Nam	7.33	8.00	Đạt	25
445	2101918	Nguyễn Thị Như	Ý	31-07-2000	Quảng Nam	5.67	9.00	Đạt	25
446	2102296	Phan Quỳnh	Yên	07-11-2000	TP. Đà Nẵng	7.33	9.50	Đạt	25
447	2101438	Nguyễn Thị Thanh	Yên	19-12-2000	TP. Đà Nẵng	6.00	9.00	Đạt	25
448	2101715	Đỗ Thị Mai	Yến	23-05-1999	Thanh Hóa	7.00	9.00	Đạt	25
449	2101542	Nguyễn Hoàng	Yến	04-08-2000	TP. Đà Nẵng	5.67	8.50	Đạt	25

Ấn định danh sách này có **449** (bốn trăm bốn mươi chín) thí sinh.

GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRUNG TÂM TIN HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TS. Đặng Hùng Vĩ